

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 217/2022/DS-ST

Ngày: 23- 9-2022

V/v tranh chấp dân sự
hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Lý Thị Rõ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Tám
2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thiện Nhân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2022/TLST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp dân sự hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 204/2022/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2022/QĐST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng)

Địa chỉ trụ sở: Lầu 8, số 266-268 N, Phường V, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D– Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Hồ Thị Minh T– Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm thẻ.

Ủy quyền lại cho ông Lã Ngọc M, sinh năm 1970 – Chức vụ: Nhân viên Ngân hàng thương mại cổ phần S(Giấu ủy quyền số 260/2021/UQ-TTT ngày 17/3/2021)

Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu N, sinh năm 1972

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh An Giang

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết nguyên đơn trình bày:

Ngày 26/01/2011, ông Nguyễn Hữu N có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần S hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng. Căn cứ thu nhập của ông N, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số 472074-7468 với hạn mức sử dụng là 8.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 10.098.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 5.034.800 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông N vẫn không có thiện trí trả nợ. Do ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên ngày 16/7/2012 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn lại sang nợ quá hạn theo Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng với số nợ gốc là 9.510.055 đồng. Sau đó, Ngân hàng thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông N và yêu cầu ông trả nợ nhưng đến nay ông N chưa thanh toán nợ vay cho Ngân hàng

Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N phải thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ gốc và lãi cho Ngân hàng tính đến ngày 23/9/2022 với số tiền 47.560.061 đồng (nợ gốc 9.510.055 đồng, lãi quá hạn 38.050.006 đồng) và tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn, lãi quá hạn, từ sau ngày 23/9/2022 đến khi hết nợ theo mức lãi suất thảo thuận tại hợp đồng tín dụng.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, mặt dù đã nhận các Thông báo của Tòa án nhưng vắng mặt không rõ lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn vốn vay và lãi tính theo Hợp đồng tín dụng ngày 26/01/2011, đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Bị đơn có nơi cư trú tại Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đúng theo quy định pháp luật. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân đã tổng đạt Thông báo

về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn, bị đơn trực tiếp nhận nhưng vẫn vắng mặt lần thứ 2, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng số ngày 26/01/2011 đã ký giữa hai bên, nợ gốc 9.510.055 đồng. Xét thấy, Hợp đồng tín dụng giữa hai bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận với nhau được lập thành văn bản là phù hợp với Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng nên hợp đồng tín dụng phát sinh hiệu lực. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Điều 2 của Hợp đồng tín dụng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả nợ gốc 9.510.055 đồng là có căn cứ.

[3.2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về trả tiền lãi quá hạn tính đến ngày 23/9/2022 với số tiền 38.050.006 đồng. Tại Điều 22, Điều 23 của Hợp đồng tín dụng nguyên đơn và bị đơn đã tự nguyện thỏa thuận mức lãi suất phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, nên yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ.

Căn cứ tại khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn nợ gốc 9.510.055 đồng, lãi quá hạn 38.050.006 đồng tính đến ngày 23/9/2022, tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi bị đơn thanh toán toàn bộ khoản tiền vay.

[4] Về án phí sơ thẩm, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần S

Buộc ông Nguyễn Hữu N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S nợ gốc 9.510.055 đồng, lãi tính đến ngày 23/9/2022 là 38.050.006 đồng. Tổng nợ gốc và lãi đến ngày 23/9/2022 là 47.560.061 đồng

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất của hợp đồng tín dụng, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Hữu N phải chịu án phí sơ thẩm là 2.378.000 đồng

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 1.045.000 đồng theo biên lai số 0089492 ngày 02/4/2021 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thị Rõ